

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 19/03/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		T.UNG	7:25	15	0				
2		RCDM+RC6+RC5	7:25	8+7+7	0+0+0		5+3+14	0+0+0	
3		RP3+RP1	7:25	18+4	0+0		17+5	0+0	
4		TD1+BK10+TD2	7:25	22+0+0	0+0+0		16+2+2	0+0+0	
5		CLO+PPD+TD3	7:25	16+4+2	0+0+0		10+4+8	0+0+0	
6		RP1	9:25	22	0		20	0	
7		RP3+RP2	9:25	9+13	0+0		2+19	0+0	
8		TTC3+CLO+RP2	9:25	5+3+14	0+0+0		0+4+18	0+0+0	
9		RP3+TD1+P1	9:45	20+2+0	0+0+0		10+2+1	0+0+0	
10		RC4+RC6+RC3	11:25	6+8+8	0+0+0		5+7+10	0+0+0	

TTBBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.  
1/TD1 2 NGƯỜI ĐI VỀ TRONG NGÀY, RC6: 3 NGƯỜI ĐI VỀ TRONG NGÀY.



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/03/2018	TO: RP3 - RP1	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Vận - TRƯỜNG - HIẾU	ETA: 09:10
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PLATUNOV V.A.	RP3	34	1	5	130	86	KH-THAC	Russian
2	PHẠM VĂN ĐỒNG	RP3	27	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
3	LE CÔNG HÙNG	RP3					77	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN VĂN MINH	RP3	26	1	7		80	YTE	Vietnamese
5	ĐỖ QUANG TỎ	RP3	29	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	CAO ĐỨC THANH	RP3	28	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH TUNG *TT	RP3	86	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
8	VÕ HỒ HAI	RP3	32	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	RP3	35	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN GIA THIÊN	RP3	38	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG VAN HOI	RP3	36-37	2	10		60	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM VĂN THUY	RP3	83	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HIÊN	RP3	31	1	4		85	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN SỸ ĐIỆP	RP3	30	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐINH QUANG THANH	RP3	33	1	9		67	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM QUỐC CHÈ	RP3	84	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN HỮU MẬU	RP3	85	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐẶNG HAI HA	RP3	87	1	7		81	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN ĐẠI	RP1	65	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐẶNG BÀ ĐIỀU	RP1	64	1	5		60	YTE	Vietnamese
21	HÀ VĂN NIN	RP1	66	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
22	TALONIN	RP1	67	1	10		120	KH-THAC	Russian

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	18	18	93	1.311	130	17		
2	RP1	4	4	29	329	0	5		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>22</b>	<b>122</b>	<b>1.640</b>	<b>130</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>122</b>	<b>1.640</b>	<b>130</b>			

GRAND TOAL: 1.892 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/03/2018	TO: BK THIEN UNG	AIRCRAFT: 619	ETD: 07:28
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Khánh - ĐTrung	ETA: 10:30
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM MINH TUAN	BK THIE	41	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
2	AYAKYAN	BK THIE	31	1	7		102	KH-THAC	Russian
3	NGUYEN QUANG TUYEN	BK THIE	28	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI TRONG SON	BK THIE	30	1	12		72	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN MINH TRI	BK THIE	34	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
6	KHONG THAI BINH	BK THIE	26	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM THANH TUNG	BK THIE	29	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN DAN	BK THIE	43	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
9	VU TIEN VINH	BK THIE	37	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM HONG SON	BK THIE	36	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
11	K'LY	BK THIE	42	1	3	130	65	KH-THAC	Vietnamese
12	VU QUANG THONG	BK THIE	33	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	GIANG TRUNG HIEU	BK THIE	32	1	7		100	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐANG VAN TRONG	BK THIE	27	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
15	TÔ VIỆT HUNG	BK THIE	35	1	5	50	65	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK THIEN UNG	15	15	78	1.092	180	14		Tháo 2 ghế đối chỗ T.phan
TOTAL		15	15	78	1.092	180	14		
WEIGHT KG				78	1.092	180			

GRAND TOAL: 1.350 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Fuel: 2100kg <Tuấn>



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 19-Mar-18	TO: TD1 - BK10 - TD2	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Hạnh - DUONG - PTUÁN	ETA: 09:15
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE NHẬT TUẤN	TD1				26	72	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN TÂN KHANH	TD1	84	1	4	29	70	D-HANH	Vietnamese
3	MIKHALICHENKO S.IA	TD1				6	101	KHOAN	Russian
4	SHCHERBAKOV M.IU	TD1	74	1	6		89	KHOAN	Russian
5	SADOVNICHENKO D.A	TD1	75	1	7		94	KHOAN	Russian
6	KLYUZHEV R.V	TD1	59	1	5		111	KHOAN	Russian
7	FOK S.I	TD1	78	1	6		127	KHOAN	Russian
8	NGUYEN THANH LUAN	TD1	60	1	6		68	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN MINH THỊNH	TD1					76	KHOAN	Vietnamese
10	ĐÌNH VĂN TRỌNG	TD1					65	KHOAN	Vietnamese
11	LE VAN NGUYEN	TD1	76	1	5		54	KHOAN	Vietnamese
12	VŨ MẠNH HAI	TD1	77	1	3		78	KHOAN	Vietnamese
13	BUI VAN NINH	TD1	86	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN MẠNH TUNG	TD1	82	1	9		54	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	TD1	80	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
16	TRINH XUAN TUNG	TD1	57-58	2	15		65	NHA THAU	Vietnamese
17	NGUYỄN QUANG HUY	TD1	81	1	5		60	NHA THAU	Vietnamese
18	PHẠM ĐÌNH TUẤN	TD1	83	1	5		60	NHA THAU	Vietnamese
19	ĐÌNH BAO CUÔNG	TD1	90-91	2	16		60	NHA THAU	Vietnamese
20	NGUYEN VAN PHAP	TD1					75	NHA THAU	Vietnamese
21	ĐÀO VĂN THUỘC	TD1	85	1	18		78	NHA THAU	Vietnamese
22	IVANOV	TD1	79	1	5		82	ANTOAN	Russian

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	22	19	127	1.679	61	16		
2	BK10	0	0	0	0	20	2		
3	TD2	0	0	0	0	80	4		
TOTAL		22	19	127	1.679	161	22		
WEIGHT KG				127	1.679	161			

GRAND TOAL: 1.967 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/03/2018	TO: RCDM - RC6 - RC5	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:40
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Khang - TUYỀN - Trường	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU QUANG TUYEN	RCDM	56	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN LA	RCDM	50	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐANG VAN THANH	RCDM	55	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐINH VAN THÔNG	RCDM	57	1	16		76	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN NAM TRUNG	RCDM	54	1	10	35	65	KH-THAC	Vietnamese
6	VÔ VĂN ĐÔNG	RCDM	52	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN QUOC ANH	RCDM	51	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
8	VÔ VĂN THANH	RCDM	53	1	5		65	PSV	Vietnamese
9	NGUYEN QUANG THANG	RC6					70	D-HANH	Vietnamese
10	PHAN VAN THINH	RC6	09	1	3		70	D-HANH	Vietnamese
11	NGUYEN VAN DUNG	RC6	16	1	3	20	63	D-HANH	Vietnamese
12	NGUYEN ĐINH NGU	RC6	11-12	2	16		59	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN TRUNG TIN	RC6	13-14	2	13		95	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ BA NẾP	RC6	10	1	11		63	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐO QUỐC HUY	RC6	15	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN THANH HAI	RC5	700	1	8		61	KH-THAC	Vietnamese
17	CAO THANH HỢP	RC5	73,82	2	12		60	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM VĂN THUẬN	RC5	99	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN ĐINH LỘC	RC5	499	1	10	30	67	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐINH VĂN LIEN	RC5	92	1	2		67	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN TIEN HONG	RC5	27	1	10	12	51	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RCDM	8	8	63	573	35	5		
2	RC6	7	8	53	495	20	3		
3	RC5	6	7	49	373	42	14		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>23</b>	<b>165</b>	<b>1.441</b>	<b>97</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>165</b>	<b>1.441</b>	<b>97</b>			

GRAND TOAL: 1.703 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/03/2018	TO: CLO - PPD - TD3	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:50
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Phong - KHOAN - Toan	ETA: 09:30
NAU-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TRUNG HOA	CLO	72-73	2	13	22	68	KHOAN	Vietnamese
2	LE VAN PHU	CLO	61	1	5	20	75	YTE	Vietnamese
3	HOANG VAN TRUNG	CLO	60	1	3		71	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN DUY NAM	CLO	62	1	3		73	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN VAN VINH	CLO	68	1	4		76	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN NGOC LY	CLO	69	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
7	PHAM VAN DUOC	CLO	65	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
8	ĐANG KIM DUONG	CLO	66	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
9	VU NGOC LUAN	CLO					88	KHOAN	Vietnamese
10	LE VAN ĐONG	CLO	63	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
11	CAO VAN VIET	CLO	67	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
12	LE MINH HOANG	CLO	70	1	7		84	KHOAN	Vietnamese
13	BUI VAN THOM	CLO	64	1	7		50	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN MANH CUONG	CLO	71	1	10		53	KHOAN	Vietnamese
15	LE HONG ĐAI	PPD	20	1	5	22	73	D-HANH	Vietnamese
16	TRAN THUC LOI	PPD	21	1	6	55	65	D-HANH	Vietnamese
17	PHAN HONG TAM	PPD	17-18	2	10		56	D-HANH	Vietnamese
18	NGUYEN THIEN TOAN	PPD	19	1	5		75	D-HANH	Vietnamese
19	NGUYEN VAN TRUNG	TD3	54	1	4		76	KHOAN	Vietnamese
20	DO MANH HA	TD3	53	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
21	TRAN VAN TUYET	TD3	56	1	14		71	DVL	Vietnamese
22	UDACHIN D.V	TD3	55	1	10		75	DVL	Russian

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	14	14	73	995	42	10		
2	PPD	4	5	26	269	77	4		
3	TD3	4	4	35	292	0	8		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>23</b>	<b>134</b>	<b>1.556</b>	<b>119</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>134</b>	<b>1.556</b>	<b>119</b>			

GRAND TOTAL: 1.809 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/03/2018	TO: RP3 - RP2	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: Vận - TRƯỜNG - HIẾU	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN TIỀN	RP3	49	1	2	20	75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH BÌNH	RP3	47	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
3	VÕ THANH LAM	RP3	42	1	10		63	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM DUY NHIÊN	RP3	39	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TÂN TRỌNG	RP3	44-45	2	7		70	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN HAI HÀ *TT	RP3	43	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
7	HUYNH TÂN NGON	RP3	40-41	2	9		67	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN QUÝ HAI	RP3	46	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
9	DUƠNG CHUNG THUY	RP3	48	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
10	TARASENKO ALECHXAY	RP2	58	1	8	70	84	KH-THAC	Russian
11	ĐINH XUÂN GIANG	RP2	63	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN DUY HÙNG	RP2	51	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN LIÊM	RP2	61-62	2	16		66	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN QUANG VINH	RP2	56	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
15	LUU VAN ĐIEN	RP2	53	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
16	DUƠNG CÔNG AN	RP2	57	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐO ĐỨC CUÔNG	RP2					80	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN HÙNG CUÔNG	RP2	54-55	2	11		90	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI NGỌC THÂN	RP2					75	KH-THAC	Vietnamese
20	LE VIỆT TRƯỜNG	RP2	52	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN XUÂN HAI	RP2	60	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN HIẾU	RP2	59	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	9	11	58	614	20	2		
2	RP2	13	13	74	949	70	19		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>24</b>	<b>132</b>	<b>1.563</b>	<b>90</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>132</b>	<b>1.563</b>	<b>90</b>			

GRAND TOAL: 1.785 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

# FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/03/2018	TO: TTC3 - CLO - RP2	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:50
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: Khang - TUYỀN - Trường	ETA: 11:30
VANG-2			

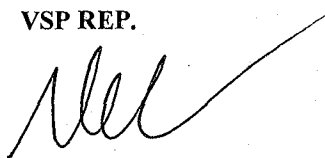
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN TRONG	TTC3	60-61	2	14		78	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐO VAN TRUONG	TTC3	36	1	11		68	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN DUY KHANH	TTC3	63-64	2	18	60	84	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG TUAN HAI	TTC3	66	1	8	35	68	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG VIET HUNG	TTC3	53	1	5		68	PSV	Vietnamese
6	KUSTOV A.A	CLO	79	1	6		105	NIPI	Russian
7	NGUYEN NGOC THACH	CLO	76	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VAN TIEN	CLO	77-78	2	12		70	DVL	Vietnamese
9	ĐOAN KIM NGAN	RP2	06	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN XUAN SAU	RP2	03	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
11	CAO VAN KIM	RP2	07	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐO VAN DUNG	RP2	09	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
13	VU HUU QUAN	RP2	05	1	5	15	61	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI VIET PHUONG	RP2	13	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM TRUNG KIEN	RP2					68	KH-THAC	Vietnamese
16	VO HOANG CAM	RP2	12	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN QUANG VINH	RP2	02	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN TAN TAI	RP2	10	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
19	LE LAM	RP2	11	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI CONG THANG	RP2	01	1	10		54	KH-THAC	Vietnamese
21	TRAN VAN SON	RP2	04	1	5		61	GETRACO	Vietnamese
22	VO THANH NHAT	RP2	08	1	5		78	GETRACO	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

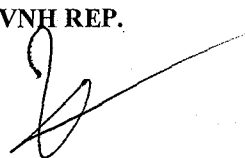
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC3	5	7	56	366	95	0		
2	CLO	3	4	23	235	0	4		
3	RP2	14	13	72	940	15	18		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>24</b>	<b>151</b>	<b>1.541</b>	<b>110</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>151</b>	<b>1.541</b>	<b>110</b>			

GRAND TOAL: 1.802 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN







# FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/03/2018	TO: RP1	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:45
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: Hạnh - DUONG - PTUÁN	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN TUẤN ANH	RP1	09	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐỖ ĐỨC VƯỢNG	RP1	13	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
3	HUYNH MINH SANG	RP1	12	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
4	TRƯƠNG CÔNG THANH	RP1	21	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RP1	10	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN NANG	RP1	04	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG VŨ NHẬT VINH	RP1	22	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ TRI KHANH	RP1	03	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	HA QUỐC HOAN	RP1	06	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN QUANG THÔNG	RP1	07	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
11	TANG THANH DÂN	RP1	14	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐÌNH THAM	RP1	15	1	5	40	70	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI MINH ĐƯƠNG	RP1	08	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐINH VĂN MẠNH	RP1	17	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN TRỌNG HIỆU	RP1	19	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM BA TÀI	RP1	20	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐỖ VĂN THANH	RP1	16	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐẶNG ĐÌNH THANG	RP1	18	1	8		77	KH-THAC	Vietnamese
19	TÔ NGUYỄN MINH KHÔI	RP1	11	1	10		73	KH-THAC	Vietnamese
20	CU NGOC BAN	RP1	05	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN QUÝ TÂN	RP1	01-02	2	9		75	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN TOÀN	RP1	25	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	22	23	130	1.567	40	20		
	<b>TOTAL</b>	<b>22</b>	<b>23</b>	<b>130</b>	<b>1.567</b>	<b>40</b>	<b>20</b>		
	<b>WEIGHT KG</b>			<b>130</b>	<b>1.567</b>	<b>40</b>			

GRAND TOAL: 1.737 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/03/2018	TO: RC4 - RC6 - RC3	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:50
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: HUNG - NNam - Luy	ETA: 13:30
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN QUOC VIET	RC4	25	1	15	30	57	PSV	Vietnamese
2	TRAN QUANG BINH	RC4	24	1	4		84	KH-THAC	Vietnamese
3	TRINH VAN TIEN	RC4	23	1	2		82	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN CONG HUNG	RC4	28	1	3		48	KH-THAC	Vietnamese
5	HUYNH MINH TRI	RC4	26-27	2	16		53	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM HUY DINH	RC4	29-32	4	16		58	T-TIN	Vietnamese
7	DUONG NHAT THANH	RC6	19	1	10	35	75	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM HONG QUY	RC6	22	1	10		70	DVL	Vietnamese
9	PHAM VAN Y	RC6	18	1	10		78	DVL	Vietnamese
10	DOAN PHUC HOANG	RC6	23	1	10		78	DVL	Vietnamese
11	VU ANH TRONG	RC6	24	1	12		67	DVL	Vietnamese
12	PHAM VAN DAM	RC6	20	1	5		73	DVL	Vietnamese
13	LUU HONG THU	RC6	21	1	8		49	DVL	Vietnamese
14	NGUYEN VIET HA	RC6	25-26	2	14		76	PSV	Vietnamese
15	HUYNH BA NINH	RC3	57-58	2	15	40	56	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN DUC KHANG	RC3	54	1	7		81	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG NGOC LAN	RC3	59	1	6		79	KH-THAC	Vietnamese
18	VU LE TRUNG	RC3	60-61	2	9	20	65	KH-THAC	Vietnamese
19	DUONG MINH KHANH	RC3	56	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAM THE MANH	RC3					80	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI SY HIEU	RC3	55	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
22	HA KIM LINH	RC3	63	1	4		50	GETRACO	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC4	6	10	56	382	30	5		
2	RC6	8	9	79	566	35	7		
3	RC3	8	9	52	536	60	10		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>28</b>	<b>187</b>	<b>1.484</b>	<b>125</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>187</b>	<b>1.484</b>	<b>125</b>			

GRAND TOAL: 1.796 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/03/2018	TO: RP3 - TD1 - P1	AIRCRAFT: 846	ETD: 10:30
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: Phong - XHOÀN - Toan	ETA: 12:10
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRƯỜNG VĂN HAI	RP3	59	1	7		81	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ANH SƠN	RP3	70	1	5		63	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH NAM	RP3	72-73	2	12		60	KHI	Vietnamese
4	LƯƠNG MẠNH DƯƠNG	RP3	67	1	7		65	KHI	Vietnamese
5	ĐOÀN DUY HÙNG	RP3	61	1	5		80	KHI	Vietnamese
6	BUI ĐĂNG TIẾN	RP3	62	1	15		70	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN TRỌNG ĐẠI NGHĨA	RP3	63	1	10		78	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN QUANG NAM	RP3	68	1	10	12	65	KHI	Vietnamese
9	LƯƠNG VĂN BẠC	RP3	64	1	10		70	KHI	Vietnamese
10	ĐẶNG THANH SƠN	RP3	66	1	10		70	KHI	Vietnamese
11	PHAN VĂN SỸ	RP3	58	1	5		72	KHI	Vietnamese
12	PHẠM QUYẾT TIẾN	RP3	60	1	6		65	KHI	Vietnamese
13	TẠ PHI KHÁNH	RP3	51	1	9		73	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN VŨ HIỆP	RP3	71	1	10		70	KHI	Vietnamese
15	PHẠM VĂN QUÂN	RP3	65	1	3	74	73	KHI	Vietnamese
16	LÊ VĂN ĐÀI	RP3	52	1	8		65	KHI	Vietnamese
17	LÊ QUANG HUY	RP3	53-54	2	20		71	KHI	Vietnamese
18	HOÀNG VĂN HÙNG	RP3	56-57	2	10		80	KHI	Vietnamese
19	LẠI VĂN MINH	RP3	55	1	6		60	KHI	Vietnamese
20	LƯƠNG THẾ HIẾN	RP3	74	1	5	20	63	NIPI	Vietnamese
21	NGUYỄN BÁ HÙNG	TD1	90	1	7		81	DVL	Vietnamese
22	BUI BẠCH DƯƠNG	TD1	91-92	2	11	35	67	DVL	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	20	23	173	1.394	106	10		
2	TD1	2	3	18	148	35	7		
3	P1	0	0	0	0	0	1		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>26</b>	<b>191</b>	<b>1.542</b>	<b>141</b>	<b>18</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>191</b>	<b>1.542</b>	<b>141</b>			

GRAND TOTAL: 1.874 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỞNG BAN ĐBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 20/03/2018**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+TD1+GTCl	7:25	4+16+1	0+0+0		1+20+0	0+0+0	
2		TC1+P6+TD2	7:25	0+8+13	0+0+0		1+0+15	0+0+0	
3		PVD2+BK14	9:25	21+1	0+0		16+3	0+0	
4		C10+P8+PVD2	9:25	17+3+2	0+0+0		13+0+6	0+0+0	
5		JS2+TD5+RP2	11:25	8+0+14	0+0+0		2+4+15	0+0+0	

TTBBSX



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/03/2018	TO: TD2 - TD1 - GTC1	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: HUNG - Hạng - MQUÂN	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HAI	TD2	53	1	12		81	KHOAN	Vietnamese
2	GARMADAN I.A.D	TD2	56,59	2	19	47	87	KHOAN	Russian
3	TRAN TRỌNG ANH	TD2					75	KHOAN	Vietnamese
4	TRƯỜNG THANH TUNG	TD2	54	1	3		74	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN VAN BAO	TD1	35	1	6		82	KHOAN	Vietnamese
6	HOANG TUAN ANH	TD1	99	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM ĐOÌ	TD1	36	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
8	ĐINH VĂN ĐIỀN	TD1	37	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM NGỌC DỪNG	TD1					70	KHOAN	Vietnamese
10	VU VAN KIEN	TD1	29	1	4	50	80	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN TUAN DAT	TD1	40	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
12	ĐOÀN VĂN KHANH	TD1	34	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN VAN NAM	TD1	38	1	8		74	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM ĐĂNG NINH	TD1	39	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN HUNG LONG	TD1					55	KHOAN	Vietnamese
16	QUACH VAN CU	TD1	95	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
17	ĐINH CHI CÔNG	TD1	97	1	9		65	KHOAN	Vietnamese
18	LE HUU HUNG	TD1	98	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN DINH ĐỨC	TD1	96	1	3		75	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN HUU NHAN	GTC1	27	1	6	20	77	NIPI	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	4	4	34	317	47	1		01 NB: QUACH LE DANG KHOA
2	TD1	15	13	77	1.071	50	20		
3	GTC1	1	1	6	77	20	0		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>18</b>	<b>117</b>	<b>1.465</b>	<b>117</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>117</b>	<b>1.465</b>	<b>117</b>			

GRAND TOAL: 1.699 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/03/2018	TO: TTC1 - P6 - TD2	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Văn - CHIÊN - Năm	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRINH HOANG NGUYEN	P6	36	1	5		55	D-HANH	Vietnamese
2	ZEMLIANOV	P6	33	1	5		78	D-HANH	Russian
3	QUAN ĐỨC THĂNG	P6	35	1	4		58	D-HANH	Vietnamese
4	MIRSAIAPOV	P6	32	1	5		104	D-HANH	Russian
5	HUYNH XUAN TRUONG	P6	37	1	4		70	D-HANH	Vietnamese
6	KRAPIVKA	P6	34	1	3	30	87	KH-THAC	Russian
7	SEDELKIN	P6	31	1	5		94	KH-THAC	Russian
8	BAEV	P6					85	ANTOAN	Russian
9	NGUYEN ANH TUAN	TD2	16-17	2	8		63	KHOAN	Vietnamese
10	BUI TRUNG THO	TD2					74	KHOAN	Vietnamese
11	LE ANH QUAN	TD2	20	1	3		81	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN THANH BINH	TD2	22	1	5		79	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN THANH TUNG	TD2	13	1	5		54	KHOAN	Vietnamese
14	PHAM VAN THANG	TD2	21	1	4		77	KHOAN	Vietnamese
15	VU MINH HAI	TD2	14	1	4		73	KHOAN	Vietnamese
16	VU XUAN TRUONG	TD2	18	1	3		64	KHOAN	Vietnamese
17	LE TRUONG LAM	TD2	23	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN DINH TRONG	TD2	12	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
19	LUONG NGOC HOANG	TD2	11	1	10	40	70	DVL	Vietnamese
20	HOANG MANH HUNG	TD2	15	1	3		85	GETRACO	Vietnamese
21	DINH EM	TD2	19	1	6		62	GETRACO	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	0	0	0	0	0	1		
2	P6	8	7	31	631	30	0		
3	TD2	13	13	62	924	40	15		
TOTAL		21	20	93	1.555	70	16		
WEIGHT KG				93	1.555	70			

GRAND TOAL: 1.718 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/03/2018	TO: CLO - P8 - PVD2	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:45
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Vận - CHIẾN - Năm	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN XUÂN THÀNH	CLO	86	1	5	20	67	KHOAN	Vietnamese
2	PHẠM ĐÌNH THỤ	CLO	88	1	5	35	71	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN PHÚ VINH	CLO	82	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN MẠNH CUÔNG	CLO					86	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN HỘI	CLO	81	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN VĂN SAU	CLO	91-92	2	16		74	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN VĂN ĐỊNH	CLO	84	1	4		59	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ MINH HIỆP	CLO	94-95	2	10		75	KHOAN	Vietnamese
9	PHAN THANH TAM	CLO	90	1	10		74	KHOAN	Vietnamese
10	BUI TRƯỜNG SINH	CLO	87	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN ĐĂNG KHOA	CLO	89	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
12	PHAN VĂN HỌC	CLO	85	1	2		60	KHOAN	Vietnamese
13	PHAM DUC MINH	CLO	80	1	2		58	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN MINH TIẾN	CLO	83	1	10		86	KHOAN	Vietnamese
15	ĐO VĂN QUANG	CLO	93	1	7		77	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU ĐỨC	CLO	97-98	2	12		82	T-TIN	Vietnamese
17	LAM QUANG THANH	CLO	96	1	5		87	T-TIN	Vietnamese
18	TRẦN KHOA TRƯỜNG	P8	15	1	12		73	D-HANH	Vietnamese
19	MISHIN	P8	17	1	5		110	D-HANH	Russian
20	CHU MINH HUNG	P8	16	1	4		77	D-HANH	Vietnamese
21	VU XUAN CANH	PVD2	300	1	10		67	KHOAN	Vietnamese
22	ĐÌNH VĂN ĐÔNG	PVD2	84	1	10		57	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	17	19	106	1.226	55	14		
2	P8	3	3	21	260	0	0		
3	PVD2	2	2	20	124	0	6		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>24</b>	<b>147</b>	<b>1.610</b>	<b>55</b>	<b>20</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>147</b>	<b>1.610</b>	<b>55</b>			

GRAND TOAL: 1.812 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/03/2018	TO: PVD2 - BK14	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: HUNG - Hạnh - MQUÂN	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN DANH PHONG	PVD2	09	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
2	NGO QUY THINH	PVD2	08	1	13		95	KHOAN	Vietnamese
3	CU THANH NHAN	PVD2	13	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
4	VAN DUC MAI	PVD2	04	1	6		56	KHOAN	Vietnamese
5	PHAN DUC TIEN	PVD2	10	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
6	VO THANH GAN	PVD2	05	1	7		82	KHOAN	Vietnamese
7	KHUONG VAN CHUC	PVD2	01	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN NAM THANG	PVD2	11	1	7		73	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN QUANG HUNG	PVD2	15-16	2	15		78	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM VAN HUNG	PVD2	14	1	10		71	KHOAN	Vietnamese
11	LE HONG THINH	PVD2	12	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN DINH HAO	PVD2	02	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
13	DO VAN HUY	PVD2	24-25	2	2		73	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN HUU THUAN	PVD2	26-27	2	7		70	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN XUAN HAO	PVD2	17	1	10		73	KHOAN	Vietnamese
16	LE LONG	PVD2	18	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN TUAN DUONG	PVD2	19	1	9		85	KHOAN	Vietnamese
18	TRAN CONG CHIEN	PVD2	03	1	11		78	KHOAN	Vietnamese
19	LUONG MANH HAI	PVD2	07	1	14	3	76	KHOAN	Vietnamese
20	MAI THANH NAM	PVD2	06	1	9	10	65	KHOAN	Vietnamese
21	HOANG MINH DUNG	PVD2	20	1	10	19	80	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	21	24	163	1.536	32	16		
2	BK14	0	0	0	0	35	3		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>24</b>	<b>163</b>	<b>1.536</b>	<b>67</b>	<b>19</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>163</b>	<b>1.536</b>	<b>67</b>			

GRAND TOAL: 1.731 KGS +35

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 20-Mar-18	TO: JS2 - TD5 - RP2	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:50
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Hạnh - MMinh - MQUÂN	ETA: 13:30
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TU ĐO	JS2	44	1	10	120	69	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN CONG TAM	JS2	43	1	9	15	69	KHOAN	Vietnamese
3	LÊ GIAP	JS2	42	1	5	14	73	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN MINH VU	JS2	49-51	3	20		71	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN TRONG MAO	JS2	41	1	20		78	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN DINH THANH HAI	JS2	47-48	2	16		61	KHOAN	Vietnamese
7	LE CONG TRANG	JS2	45-46	2	14		65	KHOAN	Vietnamese
8	PHAM NGUYEN THANH KHOA	JS2	52-53	2	19		75	KHOAN	Vietnamese
9	SADOVNIKOV A.D	RP2	69	1	5	17	125	KHOAN	Russian
10	PHẠM VĂN LAM	RP2	68	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
11	VU VAN DOANH	RP2	73	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
12	ĐO VĂN PHAN	RP2	71	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN MINH HIỆU	RP2	72	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
14	VÔ VĂN HÙNG	RP2	81	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
15	NHÂM ĐỨC QUANG	RP2	77	1	4		74	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN QUỐC TUẤN	RP2					67	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN VAN CHAN	RP2	75	1	3		58	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN VAN HUYNH	RP2	80	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN VAN NGAN	RP2	76	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
20	PHAM QUANG ANH	RP2	78	1	3		78	KHOAN	Vietnamese
21	NGO HONG GIANG	RP2	79	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
22	BUI VAN TUAN	RP2	74	1	9		60	GETRACO	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	8	13	113	561	149	3		
2	TD5	0	0	0	0	0	4		
3	RP2	14	13	64	1.004	17	15		
TOTAL		22	26	177	1.565	166	22		
WEIGHT KG				177	1.565	166			

GRAND TOAL: 1.908 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 21/03/2018**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	846	TD5	7:25	22	0		22	0	
2	427	TD2+P7+TTC1	7:25	17+0+5	0+0+0		13+3+6	0+0+0	
3	428	TGTH5+MRM+PP10	7:25	2+14+6	0+0+0		2+14+6	0+0+0	
4	406	TD3+P8	7:25	12+10	0+0		12+10	0+0	
5	846	VSP01+P6	9:25	19+3	0+0		18+4	0+0	
6	427	TTC3+P6+VSP02	9:25	10+6+6	0+0+0		5+11+6	0+0+0	
7	428	TD5+P9+MRM	9:25	4+7+11	0+0+0		3+6+13	0+0+0	
8	406	P6	9:25	21	0		21	0	
9	846	P2+P4+TTC2	11:25	12+6+4	0+0+0		11+1+9	0+0+0	TRANS 1 PAX P2-P4
10	427	AMD+CTK3+PPD	11:25	17+2+3	0+0+0		15+0+7	0+0+0	TRANS 1 PAX AMD-CTK3
11	428	CNV+AMD	11:25	3+18	0+0		0+22	0+0	
12	846	P8	13:20	22	0		22	0	
13	427	VSP01+TTC3	13:20	22+0	0+0		19+3	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/03/2018	TO: TD5	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Văn - MTuấn - HUY	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN NHU Y	TD5				10	81	KHOAN	Vietnamese
2	BUI VAN LOI	TD5	05	1	5		81	KHOAN	Vietnamese
3	HO HOAN KIEM	TD5	06	1	2		73	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN TAN TAI	TD5	22	1	6		67	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN VAN HUY THAI	TD5	09	1	6		71	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN BA HOA	TD5	11	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN DUY KHANH	TD5					78	KHOAN	Vietnamese
8	TRINH ANH TRUONG	TD5	08	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
9	HOANG NHAT QUANG	TD5	21	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN HUU LOC	TD5	07	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN DUY DUC	TD5	10	1	7		78	KHOAN	Vietnamese
12	LE VAN HIEN	TD5	13	1	9		78	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN VAN TINH	TD5	16	1	4		70	NHA THAU	Vietnamese
14	SYDORSKY	TD5	14	1	10		93	ANTOAN	Russian
15	NGUYEN XUAN NGOC	TD5	18	1	5		64	DVL	Vietnamese
16	DO HOAI THANH	TD5	25-26	2	15		70	DVL	Vietnamese
17	DO THANH HAI	TD5	12	1	7		66	DVL	Vietnamese
18	HO VAN ANH	TD5	15	1	3		78	PSV	Vietnamese
19	TRAN DUC THUAN	TD5	23	1	6		76	PSV	Vietnamese
20	VU QUOC VIET	TD5	17	1	4		73	PSV	Vietnamese
21	Dinh Van Hoai	TD5	20	1	3		67	PSV	Vietnamese
22	Dinh Van Thang	TD5	19	1	2		71	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	22	21	114	1.596	10	22		
	TOTAL	22	21	114	1.596	10	22		
	WEIGHT KG			114	1.596	10			

GRAND TOAL: 1.720 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 21-Mar-18	TO: TD2 - P7 - TTC1	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Nam - CHIEN - Toan	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ NGỌC QUANG	TD2					61	KHOAN	Vietnamese
2	LÊ CHUNG	TD2	71-72	2	10		58	YTE	Vietnamese
3	PHẠM VĂN HÙNG	TD2	76	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
4	ĐÌNH DUY HAI	TD2	63	1	12		76	KHOAN	Vietnamese
5	HỒ VĂN HÙNG	TD2	66	1	5	40	65	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ HAI SƠN	TD2	73	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN TIẾN QUANG	TD2	67	1	2		71	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ XUÂN PHƯƠNG	TD2	70	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN VĂN HÙNG	TD2	69	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ VINH THUẬT	TD2	65	1	2		80	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ VĂN NAM	TD2	60	1	6		67	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM XUÂN HUY	TD2	64	1	10		58	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN TRỌNG HUỆ	TD2	75	1	12		60	KHOAN	Vietnamese
14	HÀ MẠNH HẢI	TD2	68	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
15	ĐOÀN VĂN KHUU	TD2	61-62	2	9		60	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN TRỌNG TIẾN	TD2	74	1	14		77	KHOAN	Vietnamese
17	NGO DUY NGOC	TD2	77	1	12		61	KHOAN	Vietnamese
18	ĐÌNH VĂN THANH	TTC1	56	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN LINH HOẠT	TTC1	53	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN SƠN TÙNG	TTC1	55	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN XUÂN THƯƠNG	TTC1	54	1	6	40	82	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN HÙNG	TTC1	59	1	6		65	GETRACO	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	17	18	117	1.164	40	12		
2	P7	0	0	0	0	0	3		
3	TTC1	5	5	29	368	40	6		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>23</b>	<b>146</b>	<b>1.532</b>	<b>80</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>146</b>	<b>1.532</b>	<b>80</b>			

GRAND TOAL: 1.758 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/03/2018	TO: TD3 - P8	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Khang - TUYỀN - HIẾU	ETA: 09:30
TRANG-1A			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐANG VĂN HÂN	TD3	50	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
2	PHẠM HAI ĐĂNG	TD3	46	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
3	LÊ VĂN KHOA	TD3	43	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
4	VŨ VĂN DŨNG	TD3	44	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
5	ĐỖ DUY CHINH	TD3				20	67	KHOAN	Vietnamese
6	HOANG PHẠM NGỌC VŨ	TD3					99	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN HUNG	TD3	45	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM VĂN TRI	TD3	41	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU LUAN	TD3	51	1	15		65	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐỨC VIỆT	TD3	42	1	12		56	KHOAN	Vietnamese
11	ĐỖ TIẾN DŨNG	TD3	48-49	2	10		50	DVL	Vietnamese
12	ĐƯƠNG TRUNG KIẾN	TD3	47	1	8		60	DVL	Vietnamese
13	PHẠM VĂN ĐÔNG	P8	31	1	10		80	YTE	Vietnamese
14	THAI QUÂN	P8	34	1	10		61	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN THANH NAM	P8	26	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN HỒNG	P8	33	1	5	25	62	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN KIM CUƠNG	P8	30	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TRỌNG HÒA	P8	32	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM PHƯƠNG NAM	P8	36	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN NHAN	P8	29	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐÀO NGUYỄN HUNG	P8	35	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐÀO TIẾN ĐẠT	P8	27-28	2	17		75	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	12	11	77	840	20	12		
2	P8	10	11	79	674	25	10		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>22</b>	<b>156</b>	<b>1.514</b>	<b>45</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>156</b>	<b>1.514</b>	<b>45</b>			

GRAND TOAL: 1.715 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/03/2018	TO: TGTH5 - MRM - P10	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Hòì - MMinh - DTùng	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HUU LUAT	TGTH5	98	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN DUY LAM	TGTH5	99	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN HUA TUAN	MRM	695-696	2	15		60	KHOAN	Vietnamese
4	POPOV	MRM	99	1	9		86	KHOAN	Russian
5	ĐÀO VIỆT VÂN	MRM	58	1	9		71	KHOAN	Vietnamese
6	KRAEVOI SERGEI	MRM	72	1	11		98	KHOAN	Russian
7	ZAKHAROV FEDOR	MRM	55	1	7		125	KHOAN	Russian
8	KUMBA LULENGO	MRM	97	1	9		86	KHOAN	Russian
9	SHEVELEV ALEKSEI	MRM	98	1	6		132	KHOAN	Russian
10	LYAKHNOVICH LEONID	MRM	59	1	7		79	KHOAN	Russian
11	VALEEV SERGEY	MRM	60-61	2	14		79	KHOAN	Russian
12	FILATOV SERGEY	MRM	54	1	10		104	KHOAN	Russian
13	KADATOV MIKHAIL	MRM	97	1	6		70	KHOAN	Russian
14	ILMENTEV ANDREI	MRM	96	1	12		58	KHOAN	Russian
15	SAPRYKIN VLADIMIR	MRM					142	KHOAN	Russian
16	GOLUBEV ALEKSANDR	MRM	56-57	2	12		93	KHOAN	Russian
17	TRAN MINH BACH	P10	84	1	5		60	PSV	Vietnamese
18	BUI VAN QUANG	P10	81	1	3		73	PSV	Vietnamese
19	BUI VAN NGUYEN	P10				40	76	PSV	Vietnamese
20	ĐỖ ĐẠI DƯƠNG	P10	80	1	5		60	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN TRỌNG THANH	P10	82-83	2	8		65	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TGTH5	2	2	17	137	0	2		
2	MRM	14	16	127	1.283	0	14		
3	P10	5	5	21	334	40	6		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>23</b>	<b>165</b>	<b>1.754</b>	<b>40</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>165</b>	<b>1.754</b>	<b>40</b>			

GRAND TOAL: 1.959 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/03/2018	TO: VSP01 - P6	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Vận - MTuấn - HUY	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KRAMARENKO	VSP01	04	1	4		70	D-HANH	Russian
2	PHAM VAN HOAN	VSP01					70	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYEN NGOC ANH TUAN	VSP01	08	1	2		72	D-HANH	Vietnamese
4	VU QUANG THANH	VSP01	10	1	8		70	YTE	Vietnamese
5	TRUBOCHKIN	VSP01	09	1	9		79	KH-THAC	Russian
6	LE VAN LINH	VSP01	06	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM VAN DUC	VSP01	19	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN VAN SON	VSP01	07	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN VAN CHAU	VSP01	15	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN THANH TUNG	VSP01	11	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN VAN TRUONG	VSP01	16	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	HUYNH HAI	VSP01	17	1	8		92	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG ĐỨC ANH	VSP01					70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN XUAN THUY	VSP01					70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN TRONG THUC	VSP01	05	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN HUU TOAN	VSP01	13	1	14		79	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN QUOC TUAN	VSP01	12	1	2		60	KH-THAC	Vietnamese
18	TO HUNG DUNG	VSP01	14	1	10		79	KH-THAC	Vietnamese
19	BORVINSKY	VSP01	18	1	10		89	KH-THAC	Russian
20	NGUYEN NGO HOAN	P6	40-41	2	14	40	69	YTE	Vietnamese
21	KIRICHENKO S.P	P6	43	1	5		76	KH-THAC	Russian
22	RAMIL KROGHLUYEV	P6	42	1	8		72	KH-THAC	Russian

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	19	16	101	1.374	0	18		
2	P6	3	4	27	217	40	4		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>20</b>	<b>128</b>	<b>1.591</b>	<b>40</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>128</b>	<b>1.591</b>	<b>40</b>			

GRAND TOAL: 1.759 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/03/2018	TO: TTC3 - P6 - VSP02	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:45
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: Nam - CHIẾN - Toan	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI ANH SON	TTC3					58	D-HANH	Vietnamese
2	TRAN VAN TUNG	TTC3	64	1	3		60	D-HANH	Vietnamese
3	ARKHIPOV	TTC3	67	1	2		90	D-HANH	Russian
4	CHU ĐỨC HUNG	TTC3				20	65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN BAC	TTC3	48	1	3		53	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN BA DUY	TTC3	47	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN TRỌNG TAN	TTC3	49	1	2		72	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ NGỌC CANH	TTC3	50	1	9	35	72	CODIEN	Vietnamese
9	ĐẶNG CÔNG DANH	TTC3	99	1	12	30	80	CODIEN	Vietnamese
10	TRAN TRUNG KIEN	TTC3	700	1	3		66	PSV	Vietnamese
11	THAI TRONG BINH	P6	06	1	15		85	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG THỌ TAM	P6	02	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
13	PHUONG VAN MINH	P6	04-05	2	8		72	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN HUU NHAN	P6					69	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN NAM	P6	01	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
16	HA DUY ĐÔNG	P6	03	1	4		85	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN ĐỨC THẮNG	VSP02	52	1	5		97	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN HỒNG ĐỨC	VSP02	53	1	4		57	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN VŨ BA LINH	VSP02	56	1	3		67	PSV	Vietnamese
20	HAN VAN HIEU	VSP02	54	1	5		72	PSV	Vietnamese
21	HUYNH TRỌNG PHÚC	VSP02	55	1	6		57	PSV	Vietnamese
22	LUONG MANH GIANG	VSP02	57	1	5		60	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC3	10	8	39	671	85	5		
2	P6	6	6	35	448	0	11		
3	VSP02	6	6	28	410	0	6		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>20</b>	<b>102</b>	<b>1.529</b>	<b>85</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>102</b>	<b>1.529</b>	<b>85</b>			

GRAND TOAL: 1.716 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/03/2018	TO: P6	AIRCRAFT: 406	ETD: 10:00
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: Khang - TUYỀN - HIẾU	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN NHAT THANH	P6	11	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
2	DO VAN TUNG	P6	13	1	2		59	KH-THAC	Vietnamese
3	DANG DINH HOA	P6	15	1	3		59	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN HUY THAI	P6	18	1	8		77	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM NGOC AN	P6					70	KH-THAC	Vietnamese
6	DUONG VAN CUONG	P6	09	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN BAO TOAN	P6	08	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
8	LE QUANG MINH	P6					66	KH-THAC	Vietnamese
9	LE QUANG HUY	P6	12	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN BUI TOAN	P6	24	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG TIEN DUNG	P6	20	1	4		85	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI MANH CUONG	P6	07	1	2		64	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN XUAN KHANH	P6	21	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM DUY CHUNG	P6	14	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
15	HO NG KHANH DUY	P6	26	1	3		53	KH-THAC	Vietnamese
16	DINH MAI THIEN	P6	16-17	2	7		67	CODIEN	Vietnamese
17	HOANG HUU TRONG	P6	19	1	7		68	CODIEN	Vietnamese
18	LE VAN TAI	P6	25	1	4		77	GETRACO	Vietnamese
19	NGUYEN QUANG PHO	P6	22	1	4		58	GETRACO	Vietnamese
20	LE VAN HAN	P6	10	1	3		60	GETRACO	Vietnamese
21	TRAN QUANG UY	P6	23	1	5		65	GETRACO	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	21	20	88	1.398	0	21		
	<b>TOTAL</b>	<b>21</b>	<b>20</b>	<b>88</b>	<b>1.398</b>	<b>0</b>	<b>21</b>		
	<b>WEIGHT KG</b>			<b>88</b>	<b>1.398</b>	<b>0</b>			

GRAND TOAL: 1.486 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 21-Mar-18	TO: TD5 - P9 - MRM	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: Hôi - MMinh - DTùng	ETA: 11:30
HONG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN ĐANG NAM	TD5	45	1	5		67	PSV	Vietnamese
2	NGUYEN LUONG SON	TD5	46	1	7		72	PSV	Vietnamese
3	VU DINH HOI	TD5	44	1	3		90	PSV	Vietnamese
4	PHI TRUONG SON	TD5	47	1	5		65	PSV	Vietnamese
5	NG. BA THANH	P9	80	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
6	DO VAN KIM	P9	81	1	5	35	65	PSV	Vietnamese
7	NGUYEN ĐANG BIEN	P9	76	1	3		73	PSV	Vietnamese
8	LE VAN VIET	P9	70	1	3		75	PSV	Vietnamese
9	NGUYEN QUOC TUAN	P9	78-79	2	12		71	PSV	Vietnamese
10	PHAM THE THUAN	P9	77	1	6		75	PSV	Vietnamese
11	NIKOLAENKO VADIM	MRM	67	1	10		112	KHOAN	Russian
12	CHISTYAKOV DMITRY	MRM	98	1	11		135	KHOAN	Russian
13	ALEKSANDROV SERGEI	MRM	62	1	12		84	KHOAN	Russian
14	ROIK NIKOLAI	MRM	14	1	10		85	KHOAN	Russian
15	VORONIN MIKHAIL	MRM	66	1	5		85	KHOAN	Russian
16	UZINTSEV PAVEL	MRM	69-70	2	12		82	KHOAN	Russian
17	ALEKSEEV BORIS	MRM	65	1	8		95	KHOAN	Russian
18	KOROL YURIY	MRM	68	1	12		84	KHOAN	Russian
19	SELIVANOV VLADISLAV	MRM	63-64	2	12		75	KHOAN	Russian
20	LE VAN HIEN	MRM	700	1	12		73	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN DINH CUONG	MRM	99	1	5		69	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE				ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	
1	TD5	4	4	20	294	0	3	
2	P9	6	7	36	432	35	6	
3	MRM	11	13	109	979	0	13	
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>24</b>	<b>165</b>	<b>1.705</b>	<b>35</b>	<b>22</b>	
<b>WEIGHT KG</b>				<b>165</b>	<b>1.705</b>	<b>35</b>		

GRAND TOAL: 1.905 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 21-Mar-18	TO: P2 - P4 - TTC2	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:50
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: Hạnh - TRƯỜNG - Luy	ETA: 13:30
HONG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NG. KHÁC LÂM	P2	07	1	10	20	68	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN TOAN	P2	11	1	10		82	T-TIN	Vietnamese
3	NGUYEN QUOC KHANH	P2	02	1	8		62	PSV	Vietnamese
4	PHAM HONG DIEN	P2	08	1	4		66	PSV	Vietnamese
5	BUI LONG HUNG	P2	05	1	5		65	PSV	Vietnamese
6	ĐIỀU KIEU HẠNH	P2	03-04	2	15	20	77	PSV	Vietnamese
7	PHẠM NGỌC CUÔNG	P2	06	1	8		67	PSV	Vietnamese
8	TRẦN VĂN ĐỨC	P2	14	1	5		50	PSV	Vietnamese
9	HOANG QUOC LONG	P2	09	1	6		58	PSV	Vietnamese
10	TRẦN VIỆT BÌNH	P2	01	1	15		55	PSV	Vietnamese
11	LÊ XUÂN ĐAM	P2	13	1	3		62	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN HAI TRUNG	P2	10	1	6		57	PSV	Vietnamese
13	LUU QUOC NHẬT	P4	86	1	6		70	D-HANH	Vietnamese
14	SAVELIEV	P4	98	1	5		107	D-HANH	Russian
15	KYREEV	P4	97	1	5	35	92	D-HANH	Russian
16	NGUYEN QUANG THĂNG	P4					75	D-HANH	Vietnamese
17	NGUYEN TRƯƠNG TÙNG	P4	96	1	7		65	D-HANH	Vietnamese
18	MAI XUÂN THÀNH	P4	99,2000	2	15		68	D-HANH	Vietnamese
19	PHÙNG MINH HIẾU	TTC2	50	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN NGỌC XUÂN	TTC2	52	1	5	20	55	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ PHƯƠNG	TTC2	51	1	5		52	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN QUANG CẢNH	TTC2	49	1	5		67	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	12	13	95	769	40	11	2	CHUYEN 1 PAX P2 SANG P4
2	P4	6	6	38	477	35	1		
3	TTC2	4	4	20	251	20	9		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>23</b>	<b>153</b>	<b>1.497</b>	<b>95</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>153</b>	<b>1.497</b>	<b>95</b>			

GRAND TOAL: 1.745 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/03/2018	TO: AMD - CTK3 - PPD	AIRCRAFT: 427	ETD: 11:55
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Phong - DUONG - Trường	ETA: 13:35
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TRUONG THO	AMD	04	1	9		63	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAM VAN TIEN	AMD	08-09	2	10		74	KH-THAC	Vietnamese
3	DUONG CHI PHONG	AMD	07	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM TUAN HA	AMD	19	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN QUOC KHANH*	AMD	15-16	2	10		67	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM NGOC THACH	AMD	11	1	7		57	KH-THAC	Vietnamese
7	LE ANH MINH	AMD	17	1	2	60	63	KH-THAC	Vietnamese
8	LUU QUY DON	AMD	05	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
9	LE PHONG VIEN	AMD	03	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM VAN QUANG	AMD	02	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN DUC CUONG	AMD	18	1	8		63	KH-THAC	Vietnamese
12	LA NGOC MANH	AMD	10	1	7		59	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG VAN SAU	AMD	01	1	6		58	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN VAN THUY	AMD	20	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
15	LE VAN TU	AMD	14	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN DUC TRUNG	AMD	06	1	3		51	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN DINH CU	AMD	12-13	2	20		61	KH-THAC	Vietnamese
18	TRINH MINH DUC	CTK3	87-88	2	17		65	LILAMA18	Vietnamese
19	TRAN XUAN PHUC	CTK3					65	D-HANH	Vietnamese
20	NGUYEN VAN SON	PPD	75	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN MANH HA	PPD	72-73	2	7		64	NIP1	Vietnamese
22	NGUYEN CAO VINH	PPD	74	1	7		51	NIP1	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	17	20	120	1.089	60	15+	4	CHUYEN 1 PAX AMD SANG CTK3
2	CTK3	2	2	17	130	0	0		
3	PPD	3	4	21	180	0	7		
TOTAL		22	26	158	1.399	60	22		
WEIGHT KG				158	1.399	60			

GRAND TOAL: 1.617 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

# FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/03/2018	TO: CNV - AMD	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:00
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: HÙNG - Hòì - DTùng	ETA: 13:40
VANG-3			

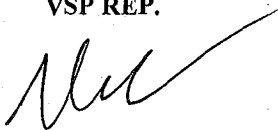
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SYED SALIM BIN SYED TAHIR	CNV	72	1	9	16	66	KH-THAC	Malaysian
2	NGUYEN VAN MINH	CNV	75	1	15	25	78	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM VAN HUNG	CNV	500	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM VIET ĐỨC	AMD	32	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ VIỆT THẮNG	AMD	36-37	2	14		65	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM TUAN ANH	AMD	39-40	2	10		64	KH-THAC	Vietnamese
7	CHU ĐỨC CHI	AMD	45-46	2	8		68	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG NGOC ANH	AMD	34-35	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
9	CHU HUU CHINH	AMD	33	1	5		52	KH-THAC	Vietnamese
10	VU HUU QUYET	AMD	86	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
11	DUONG MANH PHU	AMD	41	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
12	LE HUU HA	AMD	42	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VU KIEN	AMD	38	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
14	VU VAN CUNG	AMD	47-48	2	15		65	KH-THAC	Vietnamese
15	DO VAN THAO	AMD	31	1	15		65	KH-THAC	Vietnamese
16	LA NGOC HOAN	AMD	27	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
17	LE HUY HOANG	AMD	84-85	2	12		68	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VIET VAN	AMD	30	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN MINH HOAT	AMD	25-26	2	12		61	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN MINH KHOA	AMD	43-44	2	17		78	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAM XUAN DUONG	AMD	28-29	2	10		56	KH-THAC	Vietnamese
22	LE THANH TUNG	AMD	87	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CNV	3	3	29	214	41	0		
2	AMD	19	28	190	1.275	0	22		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>31</b>	<b>219</b>	<b>1.489</b>	<b>41</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>219</b>	<b>1.489</b>	<b>41</b>			

GRAND TOAL: 1.749 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 21-Mar-18	TO: P8	AIRCRAFT: 846	ETD: 14:00
FLIGHT: 12	FROM: VT	CREW: Hạnh - TRƯỜNG - Luy	ETA: 15:40
CAM-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHUNG HA TAI	P8	41,48	2	10		102	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN QUOC TANH	P8	24-25	2	8		62	KH-THAC	Vietnamese
3	LE NGUYEN NHAT LINH	P8					88	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN DINH TU	P8	73	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
5	DUONG TRI NAM	P8	2000	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN QUANG HUY	P8	19	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VINH DUNG	P8	98	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN TIEN VU	P8	23	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TRI HUNG	P8	99	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
10	LY THANH CHUONG	P8	97	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN BA HOANG	P8	800	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
12	DO VAN MINH	P8	96	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
13	LUU VAN AN	P8	75	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN HIEN	P8	22	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN NGUYEN PHONG	P8	18	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
16	LAZAREV A.V	P8	74	1	7		80	KH-THAC	Russian
17	TRAN VAN KIM	P8	39-40	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN PHUC	P8	92	1	3		60	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN MINH TUE	P8	94	1	3		60	PSV	Vietnamese
20	LE DUC THUAN	P8	20	1	4		50	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN DANG NGOC	P8	95	1	5		60	D-SONG	Vietnamese
22	LE VAN DUONG	P8	21	1	5		55	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	22	24	122	1.504	0	22		
	<b>TOTAL</b>	<b>22</b>	<b>24</b>	<b>122</b>	<b>1.504</b>	<b>0</b>	<b>22</b>		
	<b>WEIGHT KG</b>			<b>122</b>	<b>1.504</b>	<b>0</b>			

GRAND TOAL: 1.626 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/03/2018	TO: VSP01 - TTC3	AIRCRAFT: 427	ETD: 14:05
FLIGHT: 13	FROM: VT	CREW: Phong - DUONG - Trường	ETA: 15:45
TRANG-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TIEN DUNG	VSP01	36	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
2	LE SY KHOI	VSP01					80	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN DUC THIEN	VSP01	30	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN THANH	VSP01	37	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG PHUC LUONG	VSP01	33	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN THANH HA	VSP01					72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN MANH TUAN	VSP01	31	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
8	LE THANH TUAN	VSP01	34	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
9	HUYNH TAN DUNG	VSP01	24-25	2	14		85	KH-THAC	Vietnamese
10	GIA QUANG CUONG	VSP01	28	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN TAN HAU	VSP01					67	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN DUY DONG	VSP01	22	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN THANH LOI	VSP01	23	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
14	TRINH TIEN BINH	VSP01	32	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
15	DAO NGOC TUYEN	VSP01	26-27	2	15		65	ANTOAN	Vietnamese
16	PANOV	VSP01	20	1	5		95	NIPI	Russian
17	ISATOV	VSP01	21	1	6		95	NIPI	Russian
18	LE VAN NGOC	VSP01	38	1	5		70	PSV	Vietnamese
19	LE CAO HAI	VSP01	29	1	7		65	PSV	Vietnamese
20	HA THE BINH	VSP01	39	1	3		67	PSV	Vietnamese
21	DUONG BA HUNG	VSP01					74	PSV	Vietnamese
22	LUONG MANH HUONG	VSP01	35	1	4		63	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	22	20	113	1.633	0	19		
2	TTC3	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		22	20	113	1.633	0	22		
WEIGHT KG				113	1.633	0			

GRAND TOAL: 1.746 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN